

Bản án số: 513/2026/DS-PT

Ngày: 15 - 6 - 2026

V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2026/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1017/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: khóm D, phường H, tỉnh Đồng Tháp (khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T là bà Lê Thị Ngọc T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. **Bị đơn:**

2. 1. Chị Nguyễn Ngọc Lan P, sinh năm 1987 (có mặt);

2.2. Anh Nguyễn Bảo L, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: khóm E, phường H, Đồng Tháp (khóm E, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Bảo L là ông Dương Văn N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường B, tỉnh An Giang. (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Nguyễn Chí H, sinh năm 1995 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: khóm D, phường H, tỉnh Đồng Tháp (khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp cũ).

3.2. Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: số F, N, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Lan P và ông Nguyễn Bảo L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm.*

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là bạn bè quen biết nhau khi làm ăn ngoài xã hội. Từ ngày 19/5/2023 đến ngày 05/6/2023 thì chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L có vay của chị số tiền tổng là 1.420.000.000đ, chị Lan P và anh Bảo L nói là vay đỡ trong vòng 10 ngày trả lại, vay 05 lần bằng hình thức chuyển khoản (có sao kê kèm theo) cụ thể ngày 19/5/2023 chuyển vay số tiền 800.000.000đ, ngày 25/5/2023 chuyển vay số tiền 100.000.000đ, ngày 26/5/2023 chuyển vay số tiền 200.000.000đ, ngày 05/6/2023 chuyển vay số tiền 120.000.000đ và 200.000.000đ. Chuyển từ tài khoản ngân hàng của anh Nguyễn Chí H – chồng chị (Ngân hàng K) qua số tài khoản của chị Lan P (Ngân hàng K). Mục đích vay để vợ chồng bị đơn làm ăn kinh tế phục vụ cho gia đình. Lãi suất hai bên thống nhất thỏa thuận là 2%/tháng (tức 9.400.000đ/tháng). Nhưng khi đến hạn trả thì phía bị đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất nhà nước là 1.66%/tháng và trả dần nợ gốc, chị cũng thống nhất.

Ngày 31/10/2023 chị L1 P1 cho chuyển trả cho chị số tiền 100.000.000đ, nhưng chuyển nhầm qua tài khoản của anh Nguyễn Duy Đ (bạn chị), trong đó 50.000.000đ trả tiền gốc của số tiền 1.420.000.000đ nên còn nợ 1.370.000.000đ gốc, còn 50.000.000đ còn lại thì chị Lan P trả tiền mà chị Lan P vay tiền riêng bên ngoài khoản khác của chị.

Nhưng tới hạn thì chị P, anh L vẫn không trả và nói sẽ chịu lãi số tiền vay này. Đến ngày 22/01/2024 thì chị P, anh L và chị có ngồi tính toán và chốt lại tiền còn nợ, sau khi tính toán thì hai bên thống chốt nợ và chị P, anh L cam kết sẽ trả đủ hết nợ cho chị, nên hai bên có lập tờ cam kết là “Giấy cam kết trả nợ” đề ngày 22/01/2024 với số tiền vay còn thiếu là 1.370.000.000đ và cam kết đến 22/3/2024 sẽ trả đủ số tiền này. Tuy nhiên, đến hạn thì chị P, anh L vẫn không trả cho chị, chị có nhiều lần nhắc nhở nhưng vẫn không trả mà trốn tránh. Trong thời gian này thì vợ chồng chị P, anh L có trả nhỏ lẻ một ít cho chị tổng số tiền chuyển trả lãi là 235.680.000đ, nên đến ngày 04/02/2025, tại nhà chị thì hai bên ngồi lại đối chiếu nợ thì ban đầu chốt nợ số tiền là 770.000.000đ và ghi **biên nhận “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 04/02/2025**, nhưng ngay sau đó khi đối chiếu từng giao dịch thì chị P, anh L còn thiếu thêm 60.000.000đ nữa, nên hai bên

thống nhất viết thêm vào 60.000.000đ này vào biên nhận đã ghi luôn. Toàn bộ chữ viết nội dung và chữ ký trong “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 04/02/2025 đều do chị P tự ghi, chị không ghi chữ nào. Viết theo mẫu mà chị đánh máy in có sẵn ở nhà chị, do tiêu đề biên nhận mẫu ghi sẵn là năm 2024 nên chị P sửa lại thành 2025 và vì ghi nhầm tháng 01, nhưng lúc đó qua tết âm lịch nên là tháng 02, nên chị P cũng sửa lại từ tháng 01 thành tháng 02 và còn viết thêm vào biên nhận là cam kết đến ngày 04/4/2025 sẽ trả hết số nợ này cho chị, nhưng tới nay vẫn không trả cho chị nên chị khởi kiện. Do đã lập “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 04/02/2025 nên “Giấy cam kết trả nợ” đề ngày 22/01/2024 hai bên thống nhất xé bỏ, nhưng chị vẫn chụp hình lại lưu điện thoại trước khi xé bỏ.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L liên đới trả số tiền vay còn thiếu tổng cộng là 871.300.000đ (T2 trăm bảy mươi một triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 830.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 04/02/2025 đến ngày 04/5/2025, lãi suất 1,66%/tháng là 41.300.000đ, yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Chị không thống nhất với ý kiến của anh Nguyễn Bảo L, vì khi vay số tiền này thì chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L vẫn là vợ chồng (vay ngày 19/5/2023, ly hôn ngày 14/5/2024), mục đích vay là vợ chồng làm ăn kinh tế phục vụ cho gia đình và khi vay có đưa 03 giấy chứng nhận QSD đất (bản photo) do vợ chồng bị đơn đứng tên để làm tin, đồng thời trong các giao dịch chuyển tiền qua lại giữa hai bên thì anh Bảo L cho giao dịch bằng tài khoản của anh L nữa, nên cả anh chị phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền này.

Khi vay thì vợ chồng chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L có đưa cho chị 03 giấy chứng nhận QSD đất (bản photo) để làm tin và có cam kết là nếu không trả nợ được thì sẽ sang tên 03 thửa đất này cho chị. Đất thuộc thửa 448, tờ bản đồ 44, thửa 34, tờ bản đồ số 24 và thửa 62, tờ bản đồ số 42, cùng tọa lạc phường H (phường A cũ), do vợ chồng bị đơn đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất. Nay chị không yêu cầu giải quyết gì đối với 03 thửa đất này, vì khi đó bị đơn đã thế chấp vay tiền ở Ngân hàng rồi, đưa chỉ để làm tin thôi. Sau này sẽ yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành án sau.

Do giữa nguyên đơn và bị đơn làm ăn với nhau trong thời gian dài nên có nhiều biên nhận phát sinh của số tiền vay này. Nhưng phía bị đơn chỉ có vay của nguyên đơn số tiền như yêu cầu khởi kiện trên, ngoài ra không còn vay số tiền nào khác.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Lan P trình bày:

Không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giữa chị và chị D T là chỗ quen biết có giao dịch làm ăn qua lại với nhau, giữa các bên có nhiều lần ký biên nhận tiền và chuyển khoản qua lại, trong quá trình giao dịch tiền qua lại đó, hai bên chưa thực sự ngồi lại quyết toán tiền mà hai bên chuyển qua lại tại ngân hàng. Nay chị P xác định: Không đồng ý Giấy cam kết trả nợ ghi ngày 22/01/2024 do chị T đính kèm theo đơn khởi kiện vì giấy này không có bản chính để đối chiếu nên không có giá trị pháp lý; Thống nhất chữ viết và chữ

ký trong “Hợp đồng vay tiền” ngày 04/02/2025 do chị T cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của mình, tuy nhiên không đồng ý với “Hợp đồng vay tiền” này do đã có sửa chữa tháng và năm ở dòng thứ 4 tính từ trên xuống và có viết thêm và sửa nhiều nơi trong văn bản này dẫn đến không đảm bảo tính khách quan, đây chỉ là bản nháp thôi, đồng thời ngày 04/02/2025 này thì không có việc giao nhận tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn, nên biên nhận hợp đồng này không có giá trị pháp lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản, vì vậy bị đơn không có nghĩa vụ trả tiền trong biên nhận này cho nguyên đơn. Do đó chị Lan P không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

Trước đây có khởi kiện phản tố yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 803.380.730 đồng, tuy nhiên nay chị Lan P không yêu cầu Tòa án giải quyết phản tố này nữa và đã có đơn rút đơn.

Việc làm ăn giao dịch vay mượn tiền chỉ có chị và vợ chồng nguyên đơn, không liên quan gì đến anh Nguyễn Bảo L (chị đã ly hôn với anh L rồi). Trong trường hợp nếu Tòa án tuyên xác định trả nợ cho nguyên đơn thì không thống nhất cùng anh L liên đới trả, vì anh L không biết, không tham gia giao dịch và không có ký tên vào các biên nhận. Nay chị và anh L cũng đã ly hôn, không còn chung sống với nhau nữa.

Ngoài ra không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Nguyễn Bảo L trình bày:

Không thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thống nhất liên đới cùng chị Nguyễn Ngọc Lan P trả nợ này. Vì anh không biết, không tham gia giao dịch và không có ký tên gì. Nay giữa anh và chị Lan P cũng đã ly hôn, không còn chung sống với nhau nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Chí H trình bày:
Thống nhất lời trình bày của vợ là nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T, không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Duy Đ trình bày:
Vắng mặt, không có ý kiến.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2026/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp đã áp dụng vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T.

Buộc chị Nguyễn Ngọc Lan P và anh Nguyễn Bảo L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Diễm T số tiền vay còn nợ là 855.247.000đ (T2 trăm

năm mười lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), trong đó 803.872.000đ gốc và 51.375.000đ lãi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 02/02/2026, bị đơn anh Nguyễn Bảo L và chị Nguyễn Ngọc Lan P có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị P, anh L trả tiền vốn là 830.000.000 đồng, không yêu cầu trả phần tiền lãi.

Bị đơn chị P đồng ý trả cho chị T số tiền vốn là 830.000.000 đồng, xin không trả lãi. Xác định số nợ này có khoản 730.000.000 đồng là nợ riêng của chị, 100.000.000 đồng là nợ cũ vay từ năm 2023 chuyển sang, yêu cầu được trả một mình, không đồng ý để anh L liên đới trả.

Đại diện theo ủy quyền của anh L là ông Dương Văn N: Số nợ 830.000.000 đồng phát sinh sau khi anh L và chị P ly hôn với nhau, đây là khoản nợ riêng của chị P nên anh L không đồng ý liên đới trả cho chị T.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị P đồng ý trả cho chị T số tiền vốn 830.000.000 đồng, chị T không yêu cầu tính lãi. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Xét chị T yêu cầu anh L cùng liên đới với chị P trả số nợ nêu trên là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận. Bị đơn kháng cáo nhưng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới nên không được chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị P, anh L liên đới trả cho chị T số tiền 830.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Bảo L và chị Nguyễn Ngọc Lan P còn trong thời hạn quy định theo Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chí H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu anh Nguyễn Bảo L và chị Nguyễn Ngọc Lan P trả số tiền vốn là 830.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn chị Nguyễn Ngọc L1 P đồng ý trả cho chị T số tiền vốn là 830.000.000 đồng, xin không trả lãi. Đại diện theo ủy quyền của anh L không có ý kiến về số tiền vốn nêu trên. Xét thấy tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận với nhau về số tiền vốn phải trả là 830.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3.2] Về việc chị T yêu cầu anh L và chị T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nêu trên. Tại phiên Tòa chị P xác định trong số nợ 830.000.000 đồng có một phần nợ mà chị và anh L vay của chị T từ năm 2023 chuyển sang. Ngoài ra theo tài liệu của chị T cung cấp được nội dung các tin nhắn qua Zalo thể hiện: Chị T nói: *“Tóm lại ngày 4/4 chị có trả đủ 830 triệu không, hay tính sao”*. Chị P trả lời: *“Cột 830 tr”*. Chị T: *“Có gì chị nói với anh L nhé. Để sau này đi vay hay gì đó ảnh nói không biết gì hết”*. Chị P: *“Sao mà không biết, chị T bữa dt nó lúc đó còn 1 tỷ mấy nó còn biết hướng chi còn có nhiều đó”*. Như vậy, nguồn gốc số tiền đang tranh chấp xuất phát từ số tiền vay năm 2023 và anh L biết được số tiền vay này nên anh L có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Bị đơn anh L và chị P kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới nên không được chấp nhận.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị P và anh L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Ngọc L1 P và anh Nguyễn Bảo L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2026/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X- Đồng Tháp đã áp dụng vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm T.

Buộc chị Nguyễn Ngọc Lan P và anh Nguyễn Bảo L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Diễm T số tiền vay còn nợ là 830.000.000 (Tám trăm ba mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Ngọc Lan P và anh Nguyễn Bảo L chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Ngọc Lan P và anh Nguyễn Bảo L phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 36.900.000 đồng.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Diễm T 19.069.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000844, ngày 27/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12- Đồng Tháp).

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Trả lại cho chị Nguyễn Ngọc L1 Phương 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002127 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trả lại cho anh Nguyễn Bảo L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002047 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X- Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Bình